

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MỸ  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2021/HNGĐ - ST

Ngày 17 - 8 - 2021.

(V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thăng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Minh Đón.

2. Ông Nguyễn Văn Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2021/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST- HPT ngày 06 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị Phạm Hương G, sinh năm: 2000; (vắng mặt)

HKTT: Thôn TĐ, xã TH, huyện YM, tỉnh Hưng Yên.

\* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1995; (vắng mặt )

HKTT: Thôn TĐ, xã TH, huyện YM, tỉnh Hưng Yên.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 06/9/2019; (vắng mặt )

HKTT: Thôn TĐ, xã TH, huyện YM, tỉnh Hưng Yên.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Phát: Bà Lê Thị Thanh Hiên - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Hưng Yên. (có mặt)

\* Người làm chứng:

- Bà Phạm Thị Quỳnh D, sinh năm: 1981; (vắng mặt)

- Ông Phạm Hải Ln, sinh năm: 1980; (vắng mặt)

Đều địa chỉ cư trú: Thôn YT, xã VH, huyện KC, tỉnh Hưng Yên.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hương G, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của chị G; bản tự khai và biên bản lấy lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T; lời khai của người làm chứng; biên bản xác minh cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Chị Phạm Hương G và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã TH vào ngày 08 tháng 11 năm 2019. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ bình thường được đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị G và anh T bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng không thống nhất trong việc bàn bạc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, giữa anh T và gia đình chị G có mâu thuẫn, anh T nghe lời bố mẹ không tôn trọng, xúc phạm chị G và gia đình chị G dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến tháng 01 năm 2021 thì mâu thuẫn trầm trọng, anh T đánh chị G nên chị G đã bỏ về nhà bố mẹ sinh sống. Quá trình ly thân, anh T cùng gia đình hai bên đã hòa giải nhưng chị G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên chị G không quay về chung sống với anh T. Chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị G được ly hôn với anh T.

Anh T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, chị G tính trẻ con nên vợ chồng cãi chửi nhau, bản thân anh và gia đình chị G có mâu thuẫn, vợ chồng không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình. Việc vợ chồng ly thân như chị G trình bày là đúng. Nay chị G xin ly hôn, anh T xác định vì con chung, anh muốn chị G quay về chung sống để nuôi con, trường hợp chị G không quay về chung sống với anh T thì anh cũng nhất trí ly hôn với chị G.

Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 06/9/2019, hiện cháu P đang ở với anh T. Chị G trình bày chị đang đi học, không có thu nhập gì nên chị nhất trí cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P cho đến khi thành niên. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu P cho đến khi thành niên và anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị G và anh T đều không yêu cầu giải quyết.

*Tại phiên tòa:*

- Nguyên đơn chị Phạm Hương G có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai liên tiếp vắng mặt không có lý do.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu Phát là bà Lê Thị Thanh Hiền trình bày: Cháu P đang sống ổn định với anh T, anh T có nguyện vọng được nuôi con chung, bản thân anh có thu nhập ổn định, chị G nhất cho cho anh T nuôi cháu P nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được nuôi cháu P cho đến khi thành niên và ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung.

- Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Yên Mỹ: Quá trình giải quyết, điều tra, xác minh vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Về phía các đương sự, nguyên đơn đã

chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, xử cho chị G được ly hôn với anh T; Về con chung xử cho anh T được nuôi con chung là cháu P cho đến khi thành niên, ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và các nghĩa vụ chung của vợ chồng không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ. Tại phiên tòa, Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai liên tiếp. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T kết hôn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện YM, tỉnh Hưng Yên vào ngày 08 tháng 11 năm 2018. Việc kết hôn của anh T và chị G tuân theo các điều kiện kết hôn và đảm bảo thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định tại của Luật hôn nhân và gia đình. Hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng chỉ bình thường được đến tháng 10 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng lại thường hay xúc phạm nhau, anh chị không thống nhất trong việc làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, bản thân anh T có mâu thuẫn với gia đình chị G dẫn đến vợ chồng không tôn trọng nhau, chị G bỏ về nhà bố mẹ sống từ tháng 01 năm 2020, bản thân anh T cùng gia đình đã nhiều lần khuyên bảo chị G quay về chung sống nhưng chị G không quay về. Qua xác minh với chính quyền địa phương và người thân của chị G thì được biết mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng để cải thiện, mặt khác cả chị G và anh T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, chị G xin ly hôn, anh T nhất trí ly hôn, điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh T đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị G, xử cho chị G và anh T được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thành P, sinh ngày 06/9/2019, hiện cháu P đang ở với anh T. Chị G trình bày chị đang đi học, không có thu nhập gì nên chị nhất trí cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu P cho đến khi thành niên. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu P cho đến khi thành niên và anh T không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con chung. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cháu P đề nghị HĐXX giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi đến khi thành niên là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu P cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi cháu P thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh

T không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị G có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, anh T và chị G, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị G được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản, ruộng canh tác, công sức và công nợ: Chị G và anh T tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Chị G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 147; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Phạm Hương G được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành P sinh ngày 06 tháng 9 năm 2019 cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P đến khi cháu P thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T là người đại diện theo pháp luật của cháu P.

Vì lợi ích của con chung, anh T và chị G, cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con chung và quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị G được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung; không ai được cản trở chị G thực hiện quyền này.

3. Về tài sản, ruộng canh tác, công sức và công nợ: Không phải giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Hương G phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003459 ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, chị G đã nộp đủ án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận**

- VKSND huyện Yên Mỹ;
- Chi cục THA huyện Yên Mỹ;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã TH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Thắng